TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 313/2025/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 107/2025/TLST-VHNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Tô Hồng N, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: 71/4, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên hệ: D D, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1972; cư trú: 71/4, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh S và bà Tô Hồng N tự nguyện kết hôn với nhau năm 2004 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 237/KHTH ngày 19/11/2004.

Nay ông S, bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà cùng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Các đương sự đều xác nhận có 04 con chung là cháu Nguyễn Thành A, sinh ngày 29/3/2001, cháu Nguyễn Ngọc Minh T, sinh ngày 09/02/2004, cháu Nguyễn Ngọc Minh N1, sinh 12/08/2011 và cháu Nguyễn Khôi N2, sinh ngày 15/10/2014. Ly hôn ông S, bà N thỏa thuận giao cháu Minh N1 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu Khôi N2 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Thành A và cháu Minh T đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông S, bà N phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh S và bà Tô Hồng N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Minh N1, sinh 12/08/2011 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Khôi N2, sinh ngày 15/10/2014 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N, ông S không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Tô Hồng N và ông Nguyễn Thanh S chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005375 ngày 02/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Bà N, ông S đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Biên Hòa (2);
- THADS TP Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- Cơ quan quản lý đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ việc dân sự (1).

THẨM PHÁN

Lê Thị Nguyệt